

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUANG SƠN**

Số: 230 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quang Sơn, ngày 22 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công khai số liệu quyết toán Ngân sách xã năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUANG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 30/3/2026 của HĐND xã Quang Sơn về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách xã năm 2025;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu quyết toán Ngân sách xã năm 2025 của xã Quang Sơn (có các biểu và thuyết minh kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban mặt trận tổ quốc xã;
- Các phòng thuộc UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã Quang Sơn;
- Lưu VT, KT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Mạnh Tuấn



THUYẾT MINH

Quyết toán ngân sách xã năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Quang Sơn)

Năm 2025 tình hình kinh tế xã hội vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức. Giá cả một số hàng hóa đầu vào tăng, nhất là giá xăng dầu... ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và người dân; nhiều chỉ tiêu thu ngân sách dự kiến sẽ giảm thu do áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế do vậy việc thực hiện nhiệm vụ thu NSNN dự báo tiếp tục gặp nhiều khó khăn và thách thức lớn. Trước tình hình đó dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy xã, HĐND và UBND xã các ngành, các cấp đã tích cực tập trung thu ngân sách, triển khai đồng bộ các giải pháp khai thác nguồn thu, rà soát đôn đốc các khoản nợ đọng phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu thu ngân sách Nhà nước năm 2025, kết quả thực hiện như sau:

1.1. Tổng thu ngân sách xã: 144.925.327.751 đồng, bao gồm:

- Thu NSDP được hưởng theo phân cấp: 180.198.565 đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 142.247.009.682 đồng
- Thu kết dư: 375.992.378 đồng
- Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 2.122.127.126 đồng

1.2. Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2025: giao 17.729 triệu đồng thu được 43.265 triệu đồng đạt 244,04% dự toán giao, trong đó:

1.2.1 Thu cân đối ngân sách: 40.767 triệu đồng bằng 229,95% dự toán giao.

** Một số khoản thu đạt và vượt dự toán giao như:*

+ Thu từ khu vực do địa phương quản lý đạt 25,23 triệu đồng, chỉ tiêu thu này không được giao trong dự toán, chỉ tiêu này thu phát sinh theo kê khai của các đơn vị hành chính sự nghiệp trên địa bàn và các trường học.

+ Thu thuế Ngoài quốc doanh: Thực hiện được 28.651 triệu đồng đạt 476,02% dự toán được giao cả năm. Thu từ thuế NQD đạt tỷ lệ cao hơn mức bình quân chung là do tập trung đôn đốc thu hồi nợ thuế và các đơn vị thực hiện nộp vào NSNN đối với các khoản thuế đã hết thời gian gia hạn.

+ Thu lệ phí trước bạ: Thực hiện được 2.882 triệu đồng đạt 197,95% dự toán được giao cả năm. Chỉ tiêu này thu từ lệ phí trước bạ đất và phương tiện vận tải.

+ Thu tiền sử dụng đất: Thực hiện được 408 triệu đồng đạt 194,37% dự toán được giao cả năm. Tỷ lệ thu tiền sử dụng đất đạt cao hơn mức bình quân chung hàng năm, là do tăng cường công tác chỉ đạo, lãnh đạo, đôn đốc thu tiền sử dụng đất của các hộ chuyển mục đích đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2025.

+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Thực hiện được 61,14 triệu đồng đạt 203,81% dự toán giao, chỉ tiêu này thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của tổ chức và hộ gia đình, cá nhân theo số lập bộ phải thu hàng năm và truy thu thuế sử dụng đất PNN của hộ gia đình, cá nhân thông qua giải quyết hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính.

+ Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Thực hiện được 2.165 triệu đồng đạt 113,89% dự toán được giao cả năm, lý do tăng do trong năm 2025 có điều chỉnh đơn giá thu.

** Một số khoản thu chưa đạt dự toán giao:*

+ Thu thuế thu nhập cá nhân: Thực hiện được 383,6 triệu đồng đạt 96,37% dự toán được giao cả năm. Chỉ tiêu này thực hiện thấp hơn so với tỷ lệ bình quân chung do có một số hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tạm ngừng kinh doanh nên giảm số thuế TNCN của khối này.

+ Thu tiền thuê đất: Thực hiện được 1.309 triệu đồng đạt 25,21% dự toán được giao cả năm. Chỉ tiêu này không hoàn thành dự toán do Xi măng Quang Sơn không nộp tiền thuê đất hàng năm.

+ Thu phí, lệ phí: Thực hiện được 929,3 triệu đồng đạt 71,32% dự toán được giao cả năm. Chỉ tiêu này dự kiến chưa đạt do ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ và một số khoản người dân được miễn giảm theo quy định của pháp luật khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến....

+ Thu khác ngân sách: Thực hiện được 831,1 triệu đồng đạt 68,12% dự toán được giao cả năm. Chỉ tiêu này không đạt chủ yếu do thu từ tiền phạt, thu khác...

1.2.2 Thu các khoản huy động, đóng góp: 3.122 triệu đồng

1.2.3 Thu chuyển nguồn năm: 2.122 triệu đồng

1.2.4 Thu kết dư ngân sách: 376 triệu đồng

2. Quyết toán chi ngân sách:

Tổng quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2025 là: 138.427 triệu đồng, kết quả cụ thể như sau:

2.1. Chi cân đối ngân sách:

- Chi đầu tư phát triển thực hiện 5.686 triệu đồng đạt 211,93% dự toán giao. Nguồn đầu tư từ thu tiền cấp quyền sử dụng đất, nguồn bổ sung của tỉnh, nguồn vốn khác..

- Chi thường xuyên thực hiện 97.225 triệu đồng bằng 109,46% so với dự toán HĐND giao.

Cụ thể như sau:

+ Chi quốc phòng thực hiện 911 triệu đồng đạt 93%. Nguyên nhân giảm do một số chế độ về dân quân xã thay đổi.

+ Chi an ninh thực hiện 788 triệu đồng đạt 99,90%. Kinh phí chủ yếu là chi các chế độ các tổ an ninh trật tự địa phương và một số nhiệm vụ khác.

+ Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề: thực hiện 59.689 triệu đồng đạt 99,51% so với dự toán HĐND xã giao. Nguyên nhân giảm là do bổ sung thêm một số kinh phí như: Kinh phí Chi trả chế độ nghỉ công tác theo Nghị quyết 18/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh....

+ Chi sự nghiệp Văn hoá thông tin: thực hiện 188 triệu đồng đạt 76% so với dự toán HĐND xã giao. Nguyên nhân không đạt dự toán do đã hết nhiệm vụ chi vì một số nhiệm vụ do cấp huyện chuyển về năm 2025 chưa phát sinh tại cấp xã.

+ Chi sự nghiệp Thể dục thể thao: thực hiện 155 triệu đồng đạt 95% so với dự toán HĐND xã giao kinh phí chưa đạt dự toán giao do do đã hết nhiệm vụ chi vì một số nhiệm vụ do cấp huyện chuyển về năm 2025 chưa phát sinh tại cấp xã.

+ Chi sự nghiệp y tế: thực hiện 280 triệu đồng đạt 55,07% so với dự toán HĐND xã giao, nguyên nhân giảm là do đối tượng đã được hưởng bảo hiểm y tế theo chế độ vùng dân tộc khó khăn.

+ Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: không thực được do nhiệm vụ chi chưa phát sinh năm 2025.

+ Chi sự nghiệp truyền thanh: không thực hiện được do cấp xã mới năm 2025 chưa có quy chế chi trả nhuận bút cho các chương trình phát thanh, truyền hình (HĐND tỉnh mới ban hành quy chế này từ tháng 1 năm 2026), ngoài ra cơ sở vật chất ở xã khi sáp nhập chưa đồng bộ và thiếu cán bộ có chuyên môn về công tác biên tập, phóng viên sản xuất chương trình.

+ Chi các hoạt động kinh tế: thực hiện 6.561 triệu đồng đạt 138,45% so với dự toán HĐND xã giao, nguyên nhân tăng là do bổ sung chi an toàn giao thông tỉnh cấp, chi hỗ trợ thiệt hại cây trồng, vật nuôi do thiên tai, dịch bệnh tỉnh cấp...

+ Chi quản lý hành chính: thực hiện 27.308 triệu đồng đạt 143,64% so với dự toán HĐND xã giao, nguyên nhân tăng do có thêm nguồn bổ sung có mục tiêu từ tỉnh như: kinh phí thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ; kinh phí thực hiện Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ; kinh phí cho các địa phương thực hiện đảm bảo cơ sở, vật chất khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, kinh phí bổ sung cho các địa phương để thực hiện tổ chức các hoạt động Tết Trung thu ...

+ Chi đảm bảo xã hội: thực hiện 3.345 triệu đồng đạt 124,69% so với dự toán HĐND xã giao, nguyên nhân tăng là do: kinh phí thực hiện tặng quà cho nhân dân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc Khánh 2/9; kinh phí thực hiện tặng quà của Đảng, Nhà nước nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026; Kinh phí vốn sự nghiệp chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025...

2.2. Chi các chương trình mục tiêu:

Tổng số chi: 21.141 triệu đồng đạt 120,5% dự toán giao, bao gồm:

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: dự toán năm 2025 là 6.742 triệu đồng, đã chi 7.689 triệu đồng đạt 114,05% dự toán giao.

+ Vốn sự nghiệp: chi 154 triệu đồng đạt 100% dự toán giao

+ Vốn đầu tư: Chi 7.535 triệu đồng, đạt 114,38% so với dự toán giao

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: dự toán 2025 là 1.040 triệu đồng, đã chi 1.140 triệu đồng đạt 109,57% dự toán giao.

- Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: dự toán năm 2025 là 9.521 triệu đồng, đã chi 12.312 triệu đồng đạt 129,32% dự toán giao.

Nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia chi vượt cao hơn dự toán do có bổ sung từ nguồn chuyển nguồn ngân sách 02 xã cũ sang, các khoản chi được phân bổ cho các đơn vị kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, đảm bảo kinh phí đầy đủ, kịp thời để chi trả các dự án, tiểu dự án chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau

Tổng chi chuyển nguồn ngân sách địa phương năm 2025 sang năm 2026 là 14.300 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau theo quy định của Luật Đầu tư công và điều 64 Luật NSNN năm 2015 là: 2.711 triệu đồng là Dự án khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra.

- Kinh phí Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương; nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội; Nguồn thực hiện chính sách tiền lương là 508 triệu đồng; nguồn thực hiện chính sách an sinh xã hội là 2.042 triệu đồng

- Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng vào năm sau: 2.845 triệu đồng, kinh phí cho các địa phương để thực hiện nhiệm vụ...

- Kinh phí Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc: 5.340 triệu đồng: kinh phí cho các địa phương thực hiện đảm bảo cơ sở, vật chất khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, Kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương cho các địa phương để đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ sắp xếp, tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính (đợt 2)

- Các chương trình mục tiêu quốc gia đang trong thời gian thực hiện theo nghị quyết của Quốc hội: 854 triệu đồng, gồm:

- + Vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 515 triệu đồng
- + Vốn chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 27 triệu đồng
- + Vốn chương trình mục tiêu phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 312 triệu đồng

4. Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 75 triệu đồng do hết nhiệm vụ chi.

5. Thuyết minh chi từ nguồn dự phòng ngân sách

Dự toán năm 2025 được HĐND xã giao nguồn dự phòng là 1.821 triệu đồng, đã phân bổ thực hiện chi một số nhiệm vụ sau:

- Dự án khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra: 500.000.000 đồng
- Xây dựng trường mầm non Quang Sơn. Hạng mục: Nhà lớp học và các công trình phụ trợ: 292.000.000 đồng

- Hỗ trợ khắc phục thiên tai: 253.276.350 đồng

Số dự phòng còn lại 775.723.650 đồng tại kết dư ngân sách năm 2025

6. Kết dư ngân sách năm 2025: 6.498.680.934 đồng

7. Một số nhiệm vụ chi cụ thể khác:

* Chi ngân sách cấp xã theo lĩnh vực và chi tiết cơ quan, đơn vị: 138.427 tr.đ

* Chi tiết kết quả các hoạt động tài chính khác của cấp xã: 216,00 tr.đ

(Có các biểu chi tiết kèm theo)

Trên đây, là báo cáo thuyết minh quyết toán ngân sách trên địa bàn năm 2025 của xã Quang Sơn.



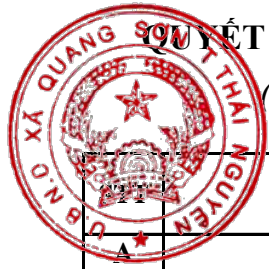
QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

Kèm theo Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Quang Sơn)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So Sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	124,134	144,925	20,791	116.7%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp		180	180	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%		180	180	
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia				
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	110,863	142,247	31,384	128.3%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	14,866	14,866		100.0%
-	Thu TC bổ sung thực hiện cải cách tiền lương				
-	Thu bổ sung có mục tiêu	95,997	127,381	31,384	132.7%
III	Thu từ các khoản cho vay của nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư	4,868	376	-4,492	7.7%
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	5,281	2,122	-3,159	40.2%
VI	Các khoản huy động, đóng góp	3,122			
B	TỔNG CHI NSDP	124,134	138,427	14,293	111.5%
I	Tổng chi cân đối NSDP	93,325	102,911	9,586	110.3%
1	Chi đầu tư phát triển	2,683	5,686	3,003	211.9%
2	Chi thường xuyên	88,821	97,225	8,404	109.5%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
6	Dự phòng ngân sách	1,821			
II	Chi các chương trình mục tiêu	17,538	21,141	3,603	120.5%
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	17,303	21,141	3,838	122.2%
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	235			
III	Chi chuyển nguồn năm sau		14,300	143,030	
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên		75	75	
V	Chi từ nguồn kết dư	4,868			
VI	Chi từ nguồn chuyển nguồn	5,281			
VII	Chi từ nguồn viện trợ, huy động, đóng góp	3,122			
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP				
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh				
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP				
I	Vay để bù đắp bội chi				

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So Sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
II	Vay để trả nợ gốc				
G	TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP				
H	KẾT DƯ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		6,498		



QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM

(Kèm theo Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Quang Sơn)

ĐVT

NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán		So sánh
	NSNN	NSDP	NSNN	NS XÃ	NSNN
B	1	2	3	4	5=3/1
TỔNG NGUỒN THU NSNN(A+B+C+D)	17,729		43,265	2,678	244.04%
A TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	17,729		40,767	180	229.95%
I Thu nội địa			37,645	180	
1 Thu từ khu vực DNNN do TW quản lý					
2 Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý			25		
- Thuế giá trị gia tăng			6		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp			19		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt					
- Thuế tài nguyên					
- Thuế môn bài					
- Thu khác					
3 Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
4 Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	6,019		28,651		476.01%
- Thuế giá trị gia tăng			26,096		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp			939		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt					
- Thuế tài nguyên			1,616		
- Thuế môn bài					
- Thu khác					
5 Thuế thu nhập cá nhân	398		384		96.48%
6 Thuế bảo vệ môi trường					
7 Lệ phí trước bạ	1,456		2,882		197.94%
8 Phí, lệ phí	1,303		929		71.30%
9 Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
10 Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30		61		203.33%
11 Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	5,192		1,309		25.21%
12 Tiền sử dụng đất	210		408		194.29%
13 Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước					
14 Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
15 Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển	1,901		2,165		113.89%
16 Thu khác ngân sách	1,220		831	180	68.11%
17 Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
18 Thu hồi vốn, thu cổ tức					
19 Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước					
II Thu về dầu thô					
III Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1 Thuế xuất khẩu					
2 Thuế nhập khẩu					

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán		So sánh
		NSNN	NSDP	NSNN	NS XÃ	NSNN
A	B	1	2	3	4	5=3/1
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu					
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu					
5	Thuế bổ sung đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam					
6	Thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu					
7	Thu khác					
IV	Thu Viện trợ					
V	Các khoản nhân dân đóng góp			3,122		
B	THU HÒI TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH					
C	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH			376	376	
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG			2,122	2,122	

ih(%)
NSDP
6=4/2

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025**

theo Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Quang Sơn)

Đơn vị: triệu đồng

NỘI DUNG (1)		Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
B		1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (không tính chi trả nợ gốc tiền vay)	124,132	138,427	111.52%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	93,325	102,911	110.27%
I	Chi đầu tư phát triển	2,683	5,686	211.93%
1	Chi đầu tư cho các dự án	2,683	5,686	211.93%
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2,595	5,276	203.31%
-	Chi các hoạt động kinh tế	86	410	476.74%
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể			
-	Chi văn hoá thông tin			
-	Chi bảo đảm xã hội	2		0.00%
-	Chi cho ngân hàng chính sách xã hội			
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2,683	2,442	91.02%
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
-	Chi từ nguồn vốn tập trung ngân sách			
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	88,821	97,225	109.46%
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	57,971	57,689	99.51%
2	Chi khoa học và công nghệ			
III	Chi từ nguồn kết dư			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
V	Dự phòng	1,821		0.00%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	17,538	21,141	120.54%
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	17,303	21,141	122.18%
1	Chương trình nông thôn mới	6,742	7,689	114.05%
	+ Xây dựng cơ bản	6,588	7,535	114.37%
	+Thường xuyên	154	154	100.00%
2	Chương trình giảm nghèo bền vững	1,040	1,140	109.62%

STT	NỘI DUNG (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	+ Xây dựng cơ bản			
	+Thường xuyên	1,040	1,140	109.62%
3	Chương trình phát triển vùng DTTS	9,521	12,312	129.31%
	+ Xây dựng cơ bản	5,708	7,904	138.47%
	+Thường xuyên	3,813	4,408	115.60%
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	235		
1	Xây dựng cơ bản (chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh)			
2	Thường xuyên	235		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		14,300	
D	Chi từ nguồn kết dư	4,866		
E	Chi từ nguồn chuyển nguồn	5,281		
F	Chi từ nguồn viện trợ, huy động, đóng góp	3,122		
G	CHI BỔ SUNG NS CẤP DƯỚI			
H	CHI NỘP NS CẤP TRÊN		75	

#REF!



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

theo Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Quang Sơn)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So Sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (không tính chi bổ sung có mục tiêu cho NS cấp dưới và chi trả nợ gốc tiền vay)	124,134	138,427	14,293	111.51%
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI				
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC	93,325	102,911	9,586	110.27%
I	Chi đầu tư phát triển	2,683	5,686	3,003	211.93%
1	Chi đầu tư cho các dự án	2,683	5,686	3,003	211.93%
-	Chi quốc phòng				
-	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội				
-	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2,595	5,276	2,681	203.31%
-	Chi khoa học, công nghệ				
-	Chi y tế, dân số và gia đình				
-	Chi văn hoá thông tin				
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
-	Chi thể dục thể thao				
-	Chi bảo vệ môi trường				
-	Chi các hoạt động kinh tế	86	410	324	476.74%
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể				
-	Chi bảo đảm xã hội	2			0.00%
-	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng; Các tổ chức kinh tế; Các tổ chức tài chính của trung ương và địa phương				
3	Chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật				
II	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	88,821	97,225	8,404	109.46%
-	Chi quốc phòng	980	911	-69	92.96%
-	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	789	788	-1	99.87%
-	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	57,971	57,689	-282	99.51%

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So Sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
-	Chi khoa học, công nghệ	30		-30	0.00%
-	Chi y tế, dân số và gia đình	508	280	-228	55.12%
-	Chi văn hoá thông tin	248	188	-60	75.81%
-	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	136		-136	0.00%
-	Chi thể dục thể thao	163	155	-8	95.09%
-	Chi bảo vệ môi trường				
-	Chi các hoạt động kinh tế	4,739	6,561	1,822	138.45%
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	19,012	27,308	8,296	143.64%
-	Chi đảm bảo xã hội	2,683	3,345	662	124.67%
-	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	1,562			
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
V	Dự phòng NSNN	1,821			
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
C	CHI CHUYỂN NGUỒN		14,300		
D	Chi nộp ngân sách cấp trên		75	75	
E	Chi các chương trình mục tiêu	17,538	21,141	3,603	120.54%
F	Chi từ nguồn kết dư	4,868			
G	Chi từ nguồn chuyển nguồn	5,281			
H	Chi từ nguồn viện trợ, huy động, đóng góp	3,122			

102,926,493,119

102,926,390,208



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Quang Sơn)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán năm 2025	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Dự toán tỉnh	Dự toán xã		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	124,134		124,134	138,427		138,427	111.51%		111.51%
A	CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	93,325		93,325	102,911		102,911	110.27%		110.27%
I	Chi đầu tư phát triển	2,683		2,683	5,686		5,686	211.93%		211.93%
1	Đầu tư cho các DA theo các lĩnh vực	2,683		2,683	5,686		5,686	211.93%		211.93%
	<i>Trong đó: chia theo lĩnh vực</i>									
	-Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2,595		2,595	5,276		5,276	203.31%		203.31%
	-Chi các hoạt động kinh tế	86		86	410		410	476.74%		476.74%
	-Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể									
	-Chi văn hoá thông tin									
	-Chi bảo đảm xã hội	2		2						
	-Chi khoa học, công nghệ									
	<i>Trong đó: chia theo nguồn vốn</i>									
	-Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất				2,442		2,442			
	Trong đó: chi cho Ngân hàng chính sách xã hội V/v KP đáp ứng nhu cầu vốn vay cho người nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn thị xã									
	- Chi từ nguồn vốn tập trung NS									
	-Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết									
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật									
II	Chi thường xuyên	88,821		88,821	97,225		97,225	109.46%		109.46%
	<i>Trong đó:</i>									
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	57,971		57,971	57,689		57,689	99.51%		99.51%
2	Chi khoa học, công nghệ									

STT	Nội dung (1)	Dự toán năm 2025	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Dự toán tỉnh	Dự toán xã		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay									
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính									
V	Dự phòng ngân sách	1,821		1,821						
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương									
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	17,538		17,538	21,141		21,141	120.54%		120.54%
	<i>Trong đó:</i>									
	-Xây dựng cơ bản	12,296		12,296	15,440		15,440	125.57%		125.57%
	-Thường xuyên	5,242		5,242	5,701		5,701	108.76%		108.76%
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	17,303		17,303	21,141		21,141	122.18%		122.18%
1	Chương trình giảm nghèo	1,040		1,040	1,140		1,140	109.62%		109.62%
	Chi Đầu tư XD CB									
	Chi thường xuyên	1,040		1,040	1,140		1,140	109.62%		109.62%
2	Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020	6,742		6,742	7,689		7,689	114.05%		114.05%
	Chi Đầu tư XD CB	6,588		6,588	7,535		7,535	114.37%		114.37%
	Chi thường xuyên	154		154	154		154	100.00%		100.00%
3	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng DTTS	9,521		9,521	12,312		12,312	129.31%		129.31%
	Chi Đầu tư XD CB	5,708		5,708	7,904		7,904	138.47%		138.47%
	Chi thường xuyên	3,813		3,813	4,408		4,408	115.60%		115.60%
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	235		235						
1	Chi Đầu tư XD CB (chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh)									
2	Chi thường xuyên	235		235						
C	Chi từ nguồn kết dư	4,868		4,868						
D	Chi từ nguồn chuyển nguồn	5,281		5,281						
E	Chi từ nguồn viện trợ, huy động, đóng góp	3,122		3,122						
F	CHI CHUYỂN NGUỒN				14,300		14,300			
G	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				75		75			

102,926



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Quang Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2025							Quyết toán 2025									So sánh			
		Tổng cộng Dự toán	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Tổng chi	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Hủy dự toán về NS huyện	Nộp trả NS cấp trên	Tổng chi	Chi ĐT	Chi TX
						Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX					Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I	Các cơ quan tổ chức	126,945	5,710	99,447		21,788	15,543	6,244	138,427	5,686	97,225		21,141	15,440	5,701	14,300		75	97.72%	99.58%	97.77%
1	Xã Quang Sơn	126,945	5,710	99,447		21,788	15,543	6,244	124,052	5,686	97,225		21,141	15,440	5,701				97.72%	99.58%	97.77%
	<i>UBND Xã Tân Long(1004603)</i>																				
	<i>Trường tiểu học Tân Long huyện Đông Hồ(1006509)</i>	7,730		7,730					7,729		7,729								99.99%		99.99%
	<i>Trường tiểu học Quang Sơn(1006609)</i>	7,738		7,738					7,736		7,736								99.97%		99.97%
	<i>Trường TH cơ sở Quang Sơn(1038541)</i>	5,270		5,270					5,268		5,268								99.96%		99.96%
	<i>Trường tiểu học Sa Lung(1062126)</i>	9,135		9,135					9,133		9,133								99.98%		99.98%
	<i>Trường Phổ thông DTBT THCS Tân Long, huyện Đông Hồ(1072554)</i>	10,325		10,325					10,323		10,323								99.98%		99.98%
	<i>Trường mầm non Tân Long huyện Đông Hồ(1103187)</i>	11,576		11,576					11,569		11,569								99.94%		99.94%
	<i>Trường mầm non Quang Sơn huyện Đông Hồ(1112974)</i>	5,835		5,835					5,828		5,828								99.88%		99.88%
	<i>Phòng Kinh tế xã Quang Sơn(1155323)</i>	6,976		6,659		317		317	6,332		6,136		196		196				90.77%		92.15%
	<i>Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Quang Sơn(1155512)</i>	2,072		2,072					2,070		2,070								99.9%		99.9%
	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công xã Quang Sơn(1157740)</i>	1,422		1,422					1,420		1,420								99.86%		99.86%
	<i>Văn phòng Đảng uỷ xã Quang Sơn(1157741)</i>	4,172		4,172					4,152		4,152								99.52%		99.52%
	<i>Phòng Văn hoá- xã hội xã Quang Sơn(1157742)</i>	7,912		5,660		2,252		2,252	6,554		4,399		2,155		2,155				82.84%		77.72%

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2025							Quyết toán 2025									So sánh			
		Tổng cộng Dự toán	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Tổng chi	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Hủy dự toán về NS huyện	Nộp trả NS cấp trên	Tổng chi	Chi ĐT	Chi TX
						Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX					Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Văn phòng HĐND và UBND xã Quang Sơn(1157743)	19,886		19,886					19,751		19,751								99.32%		99.32%
	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Quang Sơn(1164995)	5,641		1,966		3,675		3,675	5,062		1,712		3,350		3,350				89.74%		87.08%
	Xây dựng công, sân, tường rào và các công trình phụ trợ khác nhà văn hóa xóm Đồng Luông xã Tân Long(8027524)	9				9		9	9				9		9				100%		
	Xây dựng công, sân, tường rào và các công trình phụ trợ khác nhà văn hóa xóm Làng Giếng xã Tân Long(8027525)	13				13		13	13				13		13				100%		
	Xây dựng nhà văn hóa xóm Làng Giếng xã Tân Long(8027526)	46				46		46	46				46		46				100%		
	Xây dựng tường rào, kê chắn đất UBND xã Tân Long(8027527)	4				4		4	4				4		4				100%		
	Xây dựng tường rào, sân, rãnh thoát nước và các công trình phụ trợ khác nhà văn hóa xóm Lân Quan xã Tân Long(8029097)	24				24		24	24				24		24				100%		
	Xây dựng công, sân, tường rào và các công trình phụ trợ khác nhà văn hóa xóm Hồng Phong xã Tân Long(8029098)	19				19		19	19				19		19				100%		
	Xây dựng công, sân, tường rào và các công trình phụ trợ khác nhà văn hóa xóm Mô Ba xã Tân Long(8029099)	24				24		24	24				24		24				100%		
	Xây dựng công, sân, tường rào và các công trình phụ trợ khác nhà văn hóa xóm Đồng Mây xã Tân Long(8029100)	32				32		32	32				32		32				100%		
	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các công trình phụ trợ trường tiểu học Sa Lung - Điem trường Lân Quan(8029489)	1,104				1,104		1,104	1,104				1,104		1,104				100%		
	Nâng cấp sân trung tâm văn hóa thể thao xã Tân Long giai đoạn 2; Hạng mục: Mật sân, đèn chiếu sáng, rãnh tiêu, thoát nước(8029925)	66				66		66	66				66		66				100%		

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2025							Quyết toán 2025									So sánh			
		Tổng cộng Dự toán	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Tổng chi	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Hủy dự toán về NS huyện	Nộp trả NS cấp trên	Tổng chi	Chi ĐT	Chi TX
						Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX					Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Sửa chữa kênh mương xóm Đồng Luông xã Tân Long(8029926)	35				35	35		35				35	35					100%		
	Xây dựng tường rào trường Tiểu học Sa Lung khu trung tâm xã Tân Long(8030115)	10				10	10		10				10	10					100%		
	Xây dựng cổng, sân, tường rào và các công trình phụ trợ khác nhà văn hóa xóm Đồng Mẫu xã Tân Long(8030117)	14				14	14		14				14	14					100%		
	Xây dựng cổng, sân, tường rào và các công trình phụ trợ khác nhà văn hóa xóm Ba Đình xã Tân Long(8030118)	15				15	15		15				15	15					100%		
	Xây dựng kè đá đoạn cổng trường Tiểu học Sa Lung, xã Tân Long(8064659)	12				12	12		12				12	12					100%		
	Xây dựng nhà văn hoá xóm Lân Đăm, xã Quang Sơn(8086745)	25				25	25		25				25	25					100%		
	Nâng cấp, cải tạo đường bê tông xóm Lân Đăm xã Quang Sơn (Giai đoạn 3)(8088267)	14				14	14		14				14	14					100%		
	Cải tạo, nâng cấp kênh mương Min xóm Làng Mới xã Tân Long(8089669)	27				27	27		27				27	27					100%		
	Cải tạo, nâng cấp kênh mương Đồng Sim xóm Ba Đình xã Tân Long(8089670)	20				20	20		20				20	20					100%		
	Cải tạo, sửa chữa nền nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học và xây mới nhà đa năng trường THCS Quang Sơn(8101575)	34				34	34		34				34	34					100%		
	Cải tạo mở rộng mặt đường bê tông tuyến đường liên xóm Đồng Tâm-Xuân Quang, xã Quang Sơn(8102456)	112				112	112		112				112	112					100%		
	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học Trường Mầm non Tân Long - Điềm Đồng Mây(8103446)	6,495	1,993			4,502	4,502		6,472	1,970			4,502	4,502					99.65%	98.85%	

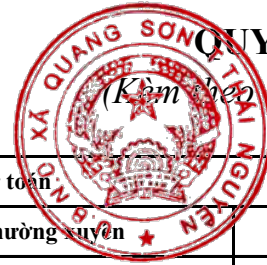
STT	Tên đơn vị	Dự toán 2025							Quyết toán 2025										So sánh		
		Tổng cộng Dự toán	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Tổng chi	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Hủy dự toán về NS huyện	Nộp trả NS cấp trên	Tổng chi	Chi ĐT	Chi TX
						Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX					Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Xây dựng nhà hiệu bộ, phòng chức năng, bếp ăn một chiều và các công trình phụ trợ trường Mầm non Tân Long – Điểm trường trung tâm(8104228)	3,306	3,306						3,306	3,306									100%	100%	
	Đường bê tông xóm Làng Giếng, Hồng Phong xã Tân Long(8107144)	37				37	37		37				37	37					100%		
	Đường bê tông xóm Đồng Luông xã Tân Long(8107145)	74				74	74		74				74	74					100%		
	Đường bê tông xóm Đồng Mây xã Tân Long(8107146)	125				125	125		125				125	125					100%		
	Đường bê tông xóm Ba Đình xã Tân Long(8107147)	129				129	129		129				129	129					100%		
	Đường bê tông xóm Mỏ Ba xã Tân Long(8107148)	175				175	175		175				175	175					100%		
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tân Long, huyện Đông Hỷ giai đoạn 2023-2033(8110155)	69	69						69	69									100%	100%	
	Khắc phục hư hỏng đường giao thông phía sau trường tiểu học Sa Lung xã Tân Long(8132776)	342	342						341	341									99.71%	99.71%	
	Cải tạo, sửa chữa sân và công trình phụ trợ trạm y tế xã Quang Sơn(8142978)	438				438	438		438				438	438					100%		
	Cải tạo, sửa chữa phòng học, bếp ăn bán trú và xây mới nhà vệ sinh điểm trường Mầm non Đồng Tâm, xã Quang Sơn(8142979)	748				748	748		748				748	748					100%		
	Nâng cấp cải tạo vỉa hè tuyến đường trục xã đoạn từ Quốc lộ 1B đến trường THPT Trần Quốc Tuấn.(8143574)	727				727	727		726				726	726					99.86%		
	Xây dựng mương thoát nước thải sinh hoạt xóm Trung Sơn, xã Quang Sơn.(8146380)	443				443	443		443				443	443					100%		
	Cải tạo sửa chữa bếp ăn bán trú và mở rộng sân điểm trường mầm non Lân Dâm, xã Quang Sơn(8147396)	171				171	171		170				170	170					99.42%		
	Cải tạo sửa chữa sân, nhà vệ sinh trường tiểu học Quang Sơn(8147397)	397				397	397		397				397	397					100%		

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2025							Quyết toán 2025									So sánh			
		Tổng cộng Dự toán	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Tổng chi	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Hủy dự toán về NS huyện	Nộp trả NS cấp trên	Tổng chi	Chi ĐT	Chi TX
						Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX					Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
IV	Chi nộp trả ngân sách cấp trên								75									75			
V	Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau								14,300							14,300					

Chi CTMT- QG
21
<i>100%</i>
<i>100%</i>
<i>100%</i>
<i>100%</i>
<i>100%</i>
<i>100%</i>
<i>100%</i>
<i>99.86%</i>
<i>100%</i>
<i>99.42%</i>
<i>100%</i>

Chi CTMT- QG
21
<i>100%</i>
<i>100%</i>
<i>100%</i>
<i>100%</i>
<i>100%</i>
<i>100%</i>
<i>97.78%</i>
<i>98.9%</i>
<i>94.59%</i>
<i>97.47%</i>
<i>99.41%</i>
<i>100%</i>
<i>100%</i>
<i>100%</i>
<i>100%</i>

Chi CTMT- QG
21



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG ĐƠN VỊ NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Quang Sơn)

Đơn vị: Tỷ

STT	Tên đơn vị	Trong đó Dự toán										Trong đó Quyết toán										Chi nộp trả	Chi chuyển nguồn sang năm sau	So sánh			
		Tổng số Dự toán	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Tổng số Quyết toán	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên							
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó										
				Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên			Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên									
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=11/1	24=12/2	25=15/5	
	Tổng	126,945	5,710	5,300		99,447	57,758		21,788	15,543	6,244	138,427	5,686	5,276		97,225	57,689		21,141	15,440	5,701	75	14,300	109.04%	99.58%	97.77%	
1	1006509 - Trường tiểu học Tân Long huyện Đông Hồ	7,730				7,730	7,730					7,729				7,729	7,729								99.99%		99.99%
2	1006609 - Trường tiểu học Quang Sơn	7,738				7,738	7,738					7,736				7,736	7,736								99.97%		99.97%
3	1038541 - Trường TH cơ sở Quang Sơn	5,270				5,270	5,270					5,268				5,268	5,268								99.96%		99.96%
4	1062126 - Trường tiểu học Sa Lung	9,135				9,135	9,135					9,133				9,133	9,133								99.98%		99.98%
5	1072554 - Trường Phổ thông DTBT THCS Tân Long, huyện Đông Hồ	10,325				10,325	10,325					10,323				10,323	10,323								99.98%		99.98%
6	1103187 - Trường mầm non Tân Long huyện Đông Hồ	11,576				11,576	11,576					11,569				11,569	11,569								99.94%		99.94%
7	1112974 - Trường mầm non Quang Sơn huyện Đông Hồ	5,835				5,835	5,835					5,828				5,828	5,828								99.88%		99.88%
8	1155323 - Phòng Kinh tế xã Quang Sơn	6,976				6,659			317		317	6,332				6,136			196		196				90.77%		92.15%
9	1155512 - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Quang Sơn	2,072				2,072						2,070				2,070									99.9%		99.9%
10	1157740 - Trung tâm phục vụ hành chính công xã Quang Sơn	1,422				1,422						1,420				1,420									99.86%		99.86%
11	1157741 - Văn phòng Đảng ủy xã Quang Sơn	4,172				4,172						4,152				4,152									99.52%		99.52%
12	1157742 - Phòng Văn hoá-xã hội xã Quang Sơn	7,912				5,660	147		2,252		2,252	6,554				4,399	102		2,155		2,155				82.84%		77.72%
13	1157743 - Văn phòng HĐND và UBND xã Quang Sơn	19,886				19,886						19,751				19,751									99.32%		99.32%
14	1164995 - Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Quang Sơn	5,641				1,966			3,675		3,675	5,062				1,712			3,350		3,350				89.74%		87.08%
15	2805674 - Mã tổ chức ngân sách Xã Quang Sơn											75									75						
16	8027524 - Xây dựng công, sân, tường rào và các công trình phụ trợ khác nhà văn hóa xóm Đông Luông xã Tân Long	9							9	9		9							9	9					100%		
17	8027525 - Xây dựng công, sân, tường rào và các công trình phụ trợ khác nhà văn hóa xóm Làng Giếng xã Tân Long	13							13	13		13							13	13					100%		
18	8027526 - Xây dựng nhà văn hóa xóm Làng Giếng xã Tân Long	46							46	46		46							46	46					100%		
19	8027527 - Xây dựng tường rào, kê chắn đất UBND xã Tân Long	4							4	4		4							4	4					100%		

STT	Tên đơn vị	Trong đó Dự toán									Trong đó Quyết toán									Chi nộp trả	Chi chuyển nguồn sang năm sau	So sánh					
		Tổng số Dự toán	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Tổng số Quyết toán	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Tổng số			Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên				
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó							Tổng số	Trong đó		
				Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên			Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ							Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=11/1	24=12/2	25=15/5	
20	8029097 - Xây dựng tường rào, sân, rãnh thoát nước và các công trình phụ trợ khác nhà văn hóa xóm Lân Quan xã Tân Long	24							24	24		24							24	24					100%		
21	8029098 - Xây dựng công, sân, tường rào và các công trình phụ trợ khác nhà văn hóa xóm Hồng Phong xã Tân Long	19							19	19		19							19	19					100%		
22	8029099 - Xây dựng công, sân, tường rào và các công trình phụ trợ khác nhà văn hóa xóm Mỏ Ba xã Tân Long	24							24	24		24							24	24					100%		
23	8029100 - Xây dựng công, sân, tường rào và các công trình phụ trợ khác nhà văn hóa xóm Đồng Mây xã Tân Long	32							32	32		32							32	32					100%		
24	8029489 - Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các công trình phụ trợ trường tiểu học Sa Lung - Diêm trường Lân Quan	1,104							1,104	1,104		1,104							1,104	1,104					100%		
25	8029925 - Nâng cấp sân trung tâm văn hóa thể thao xã Tân Long giai đoạn 2; Hạng mục: Mặt sân, đèn chiếu sáng, rãnh tiêu, thoát nước	66							66	66		66							66	66					100%		
26	8029926 - Sửa chữa kênh mương xóm Đồng Luông xã Tân Long	35							35	35		35							35	35					100%		
27	8030115 - Xây dựng tường rào trường Tiểu học Sa Lung khu trung tâm xã Tân Long	10							10	10		10							10	10					100%		
28	8030117 - Xây dựng công, sân, tường rào và các công trình phụ trợ khác nhà văn hóa xóm Đồng Mầu xã Tân Long	14							14	14		14							14	14					100%		
29	8030118 - Xây dựng công, sân, tường rào và các công trình phụ trợ khác nhà văn hóa xóm Ba Đình xã Tân Long	15							15	15		15							15	15					100%		
30	8064659 - Xây dựng kè đá đoạn công trường Tiểu học Sa Lung, xã Tân Long	12							12	12		12							12	12					100%		
31	8086745 - Xây dựng nhà văn hoá xóm Lân Đăm, xã Quang Sơn	25							25	25		25							25	25					100%		
32	8088267 - Nâng cấp, cải tạo đường bê tông xóm Lân Đăm xã Quang Sơn (Giai)	14							14	14		14							14	14					100%		
33	8089669 - Cải tạo, nâng cấp kênh mương Min xóm Làng Mới xã Tân Long	27							27	27		27							27	27					100%		
34	8089670 - Cải tạo, nâng cấp kênh mương Đồng Sim xóm Ba Đình xã Tân Long	20							20	20		20							20	20					100%		
35	8101575 - Cải tạo, sửa chữa nền nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học và xây mới nhà đa năng trường THCS Quang Sơn	34							34	34		34							34	34					100%		

STT	Tên đơn vị	Trong đó Dự toán									Trong đó Quyết toán									Chi nộp trả	Chi chuyển nguồn sang năm sau	So sánh					
		Tổng số Dự toán	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Tổng số Quyết toán	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên					
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó										
				Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên			Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên									
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=11/1	24=12/2	25=15/5	
36	8102456 - Cải tạo mở rộng mặt đường bê tông tuyến đường liên xóm Đồng Tâm-Xuân Quang, xã Quang Sơn	112							112	112		112							112	112					100%		
37	8103446 - Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học Trường Mầm non Tân Long - Diêm Đông Mây	6,495	1,993	1,993					4,502	4,502		6,472	1,970	1,970					4,502	4,502					99.65%	98.85%	
38	8104228 - Xây dựng nhà hiệu bộ, phòng chức năng, bếp ăn một chiều và các công trình phụ trợ trường Mầm non Tân Long – Diêm trường trung tâm	3,306	3,306	3,306								3,306	3,306	3,306											100%	100%	
39	8107144 - Đường bê tông xóm Lăng Giếng, Hồng Phong xã Tân Long	37							37	37		37							37	37					100%		
40	8107145 - Đường bê tông xóm Đồng Luông xã Tân Long	74							74	74		74							74	74					100%		
41	8107146 - Đường bê tông xóm Đồng Mây xã Tân Long	125							125	125		125							125	125					100%		
42	8107147 - Đường bê tông xóm Ba Đình xã Tân Long	129							129	129		129							129	129					100%		
43	8107148 - Đường bê tông xóm Mỏ Ba xã Tân Long	175							175	175		175							175	175					100%		
44	8110155 - Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tân Long, huyện Đông Hỷ giai đoạn 2023-2033	69	69									69	69												100%	100%	
45	8132776 - Khắc phục hư hỏng đường giao thông phía sau trường tiểu học Sa Lung xã Tân Long	342	342									341	341												99.71%	99.71%	
46	8142978 - Cải tạo, sửa chữa sân và công trình phụ trợ trạm y tế xã Quang Sơn	438							438	438		438							438	438					100%		
47	8142979 - Cải tạo, sửa chữa phòng học, bếp ăn bán trú và xây mới nhà vệ sinh điểm trường Mầm non Đồng Tâm, xã Quang Sơn	748							748	748		748							748	748					100%		
48	8143574 - Nâng cấp cải tạo vỉa hè tuyến đường trục xã đoạn từ Quốc lộ 1B đến trường THPT Trần Quốc Tuấn.	727							727	727		726							726	726					99.86%		
49	8146380 - Xây dựng mương thoát nước thải sinh hoạt xóm Trung Sơn, xã Quang Sơn.	443							443	443		443							443	443					100%		
50	8147396 - Cải tạo sửa chữa bếp ăn bán trú và mở rộng sân điểm trường mầm non Lân Đăm, xã Quang Sơn	171							171	171		170							170	170					99.42%		
51	8147397 - Cải tạo sửa chữa sân, nhà vệ sinh trường tiểu học Quang Sơn	397							397	397		397							397	397					100%		
52	8148086 - Xây dựng đường bê tông xóm Thống Nhất, xã Quang Sơn	100							100	100		100							100	100					100%		
53	8148087 - Xây dựng đường bê tông xóm La Giang, xã Quang Sơn	67							67	67		67							67	67					100%		
54	8148088 - Xây dựng đường bê tông xóm Đồng Tâm, xã Quang Sơn	241							241	241		241							241	241					100%		
55	8148096 - Xây dựng đường bê tông xóm Đồng Thu, xã Quang Sơn	108							108	108		108							108	108					100%		

STT	Tên đơn vị	Trong đó Dự toán									Trong đó Quyết toán									Chi nộp trả	Chi chuyển nguồn sang năm sau	So sánh					
		Tổng số Dự toán	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Tổng số Quyết toán	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Tổng số			Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên				
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó										
				Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên			Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ						Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=11/1	24=12/2	25=15/5	
56	8148098 - Xây dựng sân và công trình phụ trợ khu thể thao xóm Lân Đám, xã Quang Sơn	497							497	497		497							497	497					100%		
57	8157626 - Cải tạo, nâng cấp kênh mương Nước Lạnh xóm Làng Mới xã Tân Long	1,126							1,126	1,126		1,101							1,101	1,101					97.78%		
58	8157627 - Xây dựng kênh mương Đồng Thượng xóm Hồng Phong xã Tân Long	996							996	996		985							985	985					98.9%		
59	8157628 - Cải tạo, nâng cấp kênh mương Mìn xóm Làng Mới xã Tân Long (giai đoạn 2)	518							518	518		490							490	490					94.59%		
60	8162885 - Cải tạo sửa chữa nhà 2 tầng 8 phòng trường tiểu học Sa Lung, xã Tân Long	1,422							1,422	1,422		1,386							1,386	1,386					97.47%		
61	8163228 - Cải tạo, mở rộng đường bê tông xóm Làng Mới, xã Quang Sơn	508							508	508		505							505	505					99.41%		
62	8164614 - Đường bê tông xóm Hồng Phong, Làng Giếng xã Tân Long	145							145	145		145							145	145					100%		
63	8164615 - Đường bê tông xóm Đồng Máy, xã Tân Long	120							120	120		120							120	120					100%		
64	8164848 - Xây dựng đường bê tông xóm Làng Mới, xã Quang Sơn	25							25	25		25							25	25					100%		
65	8172868 - Hỗ trợ làm mới nhà ở trên địa bàn xã Quang Sơn theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ	46							46	46		46							46	46					100%		

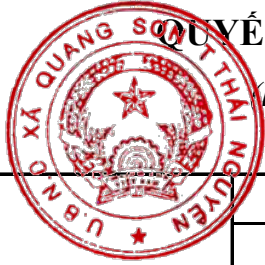
nấu số 58

riệu đông

Chi CTMTQ G
26=18/8
97.03%
61.83%
95.69%
91.16%
100%
100%
100%
100%

Chi CTMTQ G
26=18/8
100%
100%
100%
100%
100%
100%
100%
100%
100%
99.86%
100%
99.42%
100%
100%
100%
100%
100%

Chi CTMTQ G
26=18/8
100%
97.78%
98.9%
94.59%
97.47%
99.41%
100%
100%
100%
100%



QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

Kèm theo Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Quang Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán				Quyết toán										
		Tổng số	Trong đó		...	Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia 2025						...	
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp			Tổng số	Đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp						
								Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước			
A	B	1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15
	TỔNG SỐ	21,794	15,550	6,244	0	21,141	15,440	5,701	21,141	15,440	15,440	0	5,701	5,701	0	
	1155323 - Phòng Kinh tế xã Quang Sơn	317		317		196	0	196	196	0			196	196		
	1157742 - Phòng Văn hoá- xã hội xã Quang Sơn	2,252		2,252		2,155	0	2,155	2,155	0			2,155	2,155		
	1164995 - Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Quang Sơn	19,225	15,550	3,675		18,789	15,440	3,350	18,789	15,440	15,440		3,350	3,350		
									0	0			0			



TỔNG HỢP CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Quang Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên Quỹ	Dư nguồn đến ngày 30/06/2025	Kế hoạch năm 2025				Thực hiện năm 2025				Dư nguồn đến 31/12/2025
			Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	
			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP (nếu có)			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP (nếu có)			
A	B	1	2	3	4	5=2-4	6	7	8	9=6-8	10=1+6-8
1	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	9.97	41.24		20.00	21.24	36.00		19.90	16.10	26.07
2	Quỹ vì trẻ em	20.11	41.24		20.00	21.24	24.00		0.00	24.00	44.11
3	Quỹ vì người nghèo	89.22	20.62		10.00	10.62	99.60		0.00	99.60	188.82
4	Quỹ đa cam	4.57	20.62		10.00	10.62	12.00		0.00	12.00	16.57
5	Quỹ khuyến học	3.76	20.62		10.00	10.62	12.00		0.00	12.00	15.76
6	Quỹ Tài chính khác (Quỹ chăm sóc người cao tuổi, quỹ nhân đạo- từ thiện, quỹ chữ thập đỏ)	66.72	61.86		30.00	31.86	24.01		0.00	24.01	90.74
9	Xóa nhà dột nát					0.00				0.00	0.00
10	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng					0.00				0.00	0.00
11	Quỹ phòng chống thiên tai					0.00	8.37		8.37	0.00	0.00
	Tổng số	194.36	206.20	-	100.00	106.20	216.00	-	28.27	187.72	382.08

KẾ HOẠCH THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM 2025
(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)

(Kèm theo Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Quang Sơn)

Đơn vị: nghìn đồng

STT A	Nội dung B	Kế hoạch năm 2025 1	Thực hiện năm 2025 2	So sánh (%) 3=2/1
	TỔNG SỐ	372,800	594,010	159.34%
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	372,800	594,010	159.34%
-	Sự nghiệp giáo dục	372,800	594,010	159.3%
-	Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề			
2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Sự nghiệp y tế			
4	Sự nghiệp văn hóa thông tin			
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình			
6	Sự nghiệp thể dục thể thao			
			